

Số: 270/TB - KTeKT

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc: **Cung cấp báo giá dịch vụ thẩm định giá các tài sản thanh lý**

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Công ty cổ phần Sông Đà 9 có nhu cầu tiếp nhận báo giá cung cấp dịch vụ thẩm định giá xác định giá trị tài sản các tài sản thanh lý để làm cơ sở bán tài sản thanh lý theo quy định hiện hành. Do đó Công ty cổ phần Sông Đà 9 thông báo tới các doanh nghiệp thẩm định giá/các tổ chức có chức năng hành nghề thẩm định giá theo quy định của pháp luật cung cấp hồ sơ báo giá để thực hiện thẩm định giá trị tài sản như sau:

1. Thông tin về tài sản:

- 52 tài sản cố định đã hư hỏng, phục hồi tái sử dụng không hiệu quả của Công ty cổ phần Sông Đà 9. (Có danh sách kèm theo)

2. Thời điểm thẩm định giá: Tháng 10 -:- tháng 11/2025.

3. Hồ sơ yêu cầu:

- Thông tin của tổ chức, doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá cung cấp báo giá (đính kèm tài liệu pháp lý chứng minh đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá).
- Bản mô tả năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, doanh nghiệp thẩm định giá.
- Thư chào giá, các cam kết khác của doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có).

4. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ:

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 22/10/2025 đến 17h ngày 24/10/2025.
- Địa điểm nhận hồ sơ: Công ty cổ phần Sông Đà 9.
 - + Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Sông Đà 9, số 2 đường Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
 - + Đầu mối liên hệ: Bà Nguyễn Thị Thùy (email: baocaokythuat.sd9@gmail.com; SĐT: 0979868803).

5. Tiêu chí lựa chọn:

- Đơn vị được lựa chọn phải thuộc Danh sách công khai doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá của Bộ Tài Chính.
- Đơn vị thẩm định giá được lựa chọn không thuộc trường hợp không được thẩm định giá theo quy định của Luật giá và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6. Lưu ý:

- Hồ sơ đăng ký mặc nhiên hết hiệu lực trong trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá không được thẩm định giá theo quy định của pháp luật.
- Công ty CP Sông Đà 9 sẽ có văn bản thông báo kết quả cho đơn vị thẩm định giá được lựa chọn, những đơn vị không được thông báo kết quả được hiểu là không được lựa chọn, Sông Đà 9 không hoàn trả hồ sơ với những đơn vị không được lựa chọn

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu HĐTLTS, HCNS

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hải Sơn

DANH SÁCH TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

Kèm theo Thông báo số: 270/TB-KTeKT ngày 21/10/2025

TT	Tên máy	SL	Ký mã hiệu	Số đăng ký	Số khung	Số máy	Công suất (HP, KW)	Th.số KT chính (T)	Tỷ trọng (tấn)	Năm bắt đầu SD	Giá trị theo sổ sách		Vị trí hiện tại
											Nguyên giá (Đ)	Còn lại tại kỳ KK (Đ)	
A	Xe máy thiết bị chính	45									68.367.588.207	-	
I	Phương tiện vận tải	18									26.243.043.061	-	
	Ô tô tải ben Renault	8									15.847.566.363	-	
1	Ô tô tải ben Renault	1	Kerax 350.34 6x4	29S-5186	102405	0 540287	350HP	21,00	13T	2002	1.896.369.791		Chức Sơn, Hà Nội
2	Ô tô tải ben Renault	1	Kerax 350.34 6x4	29S-5181	102399	0540208	350HP	21,00	13T	2002	1.896.369.791		Chức Sơn, Hà Nội
3	Ô tô tải ben Renault	1	Kerax 350.34 6x4	29S-6528	102437	0541162	350HP	21,00	13T	2003	1.958.932.735		Chức Sơn, Hà Nội
4	Ô tô tải ben Renault	1	Kerax 350.34 6x4	29S-6521	102455	0541971	350HP	21,00	13T	2003	1.958.932.735		Chức Sơn, Hà Nội
5	Ô tô tải ben Renault	1	Kerax 350.34 6x4	29S-6530	102456	0541975	350HP	21,00	13T	2003	1.958.932.735		Chức Sơn, Hà Nội
6	Ô tô tải ben Renault	1	Kerax 350.34 6x4	29S-8483	102462	0 542093	350HP	21,00	13T	2003	2.059.050.750		Chức Sơn, Hà Nội
7	Ô tô tải ben Renault	1	Kerax 350.34 6x4	29S-8961	102499	0544464	350HP	21,00	13T	2003	2.059.927.076		Chức Sơn, Hà Nội
8	Ô tô tải ben Renault	1	Kerax 350.34 6x4	29S-8482	102478	0 543279	350HP	21,00	13T	2003	2.059.050.750		Chức Sơn, Hà Nội
	Ô tô tải ben Volvo	4									7.142.229.433	0	
1	Ô tô tải ben Volvo	1	FM9	29T-7269	83A57115 4	9007898	340HP	22,13	12,25	2003	1.754.730.670		Packading, Lào
2	Ô tô tải ben Volvo	1	FM9	75H-5994	A-581594	D9-012653	340HP	22,13	12,25	2004	1.817.950.625		Packading, Lào
3	Ô tô tải ben Volvo	1	FM9	75H-5977	A-581557	D9-012635	340HP	22,13	12,25	2004	1.817.950.625	-	Xekaman 1,Lào
4	Ô tô tải ben Volvo	1	FM9	75H-5570	567450	D9-006551	340HP	22,13	12,25	2003	1.751.597.513	-	Xekaman 1,Lào
	Ô tô Hyundai	3									2.030.461.380	-	
1	Ô tô tải ben Hyundai	1	HD270	29N-4251	0 14726	1053248	320HP	15,00	10,8	2002	676.820.460	-	Chức Sơn, Hà Nội
2	Ô tô tải ben Hyundai	1	HD270	29N-4262	0 14731	1053250	320HP	15,00	10,8	2002	676.820.460	-	Chức Sơn, Hà Nội
3	Ô tô tải ben Hyundai	1	HD270	29N-4250	0 14735	1053175	320HP	15,00	10,8	2002	676.820.460	-	Chức Sơn, Hà Nội
	Ô tô Faw	3									1.222.785.885	-	
1	Ô tô tải ben Faw	1	CA3110K2-10A	29L-9598	FXX3A066 10	50046455	103KW	5,00	5,17	2000	241.636.667	-	Chức Sơn, Hà Nội
2	Ô tô tải ben Faw	1	CA3110K2-10A	29M-7538	AO2730	50144256	138KW	5,00	5,17	2001	185.314.326	-	Chức Sơn, Hà Nội
3	Ô tô tải ben Faw	1	CA3256P2K2T1A8 0	30S-4295	99AD5103 5	01430255	317HP	10,90	13,97	2009	795.834.892		Chức Sơn, Hà Nội

TT	Tên xe máy	SL	Ký mã hiệu	Số đăng ký	Số khung	Số máy	Công suất (HP, KW)	Th.số KT chính (T)	Tỷ trọng (tấn)	Năm bắt đầu SD	Giá trị theo sổ sách		Vị trí hiện tại
											Nguyên giá (Đ)	Còn lại tại kỳ KK (Đ)	
II	Máy đào	2									3.931.611.613	0	
	Máy đào bánh xích Komatsu PC 450LC-6 (T)	1									2.701.934.493	-	
1	Máy đào bánh xích Komatsu	1	PC 450LC-6	No10	12733	88713	401HP	1,8m3	45,1	2002	2.701.934.493	-	Chúc Sơn, Hà Nội
	Máy đào bánh lốp Hyundai	1									1.229.677.120	-	
1	Máy đào bánh lốp Hyundai	1	Robex 200W-3	No8	10051	21435214	167KW	0,87m3	18,8	2001	1.229.677.120		Long Phú, Sóc trăng (Cần Thơ)
III	Máy ủi	9									17.588.858.381	0	
1	Máy ủi Caterpillar	1	D6R	B201	00 735	40892	165KW	165,00	18,0	2002	1.970.013.795	-	Chúc Sơn, Hà Nội
2	Máy ủi Caterpillar	1	D6R	B202	00 744	40978	165KW	165,00	18,0	2002	1.951.187.980	-	Chúc Sơn, Hà Nội
3	Máy ủi Caterpillar	1	D6R-2	B211	00 131	4ZF 11220	165KW	165,00	18,0	2004	2.015.888.439	-	Chúc Sơn, Hà Nội
4	Máy ủi Caterpillar	1	D6R-2	B213	00 130	4ZF 1037	165KW	165,00	18,0	2004	2.015.888.439	-	Chúc Sơn, Hà Nội
5	Máy ủi Caterpillar	1	D6R	B182	00 491		165KW	165,00	18,0	1999	1.891.639.720		Chúc Sơn, Hà Nội
6	Máy ủi Caterpillar	1	D6R	B206	00 756	41100	165KW	165,00	18,0	2002	1.953.981.519	-	Chúc Sơn, Hà Nội
7	Máy ủi Caterpillar	1	D6R	B197	00732	40882	165KW	165,00	18,0	2002	1.965.809.146		Long Phú, Sóc trăng (Cần Thơ)
8	Máy ủi Caterpillar	1	D6R	B199	00 731	40880	165KW	165,00	18,0	2002	1.967.535.314		Xekaman 1,Lào
9	Máy ủi Caterpillar	1	D6R	B205	00 755	No3	165KW	165,00	18,0	2002	1.956.914.029		Xekaman 1,Lào
IV	Máy lu	13									16.495.675.928	-	
	Máy lu rung Bomag BW 219Dh -3	2									2.840.421.664	-	
1	Máy đầm rung Bomag	1	BW 219Dh -3	Ro16	58041007	704316	175Cv		19,2	2002	1.420.210.832		Long Phú, Sóc trăng (Cần Thơ)
2	Máy đầm rung Bomag	1	BW 219Dh -3	Ro17	541003	704308	175Cv		19,2	2002	1.420.210.832		Chúc Sơn, Hà Nội
	Máy lu rung Dynapac	2									1.751.200.476	0	
1	Máy lu rung Dynapac	1	Dynapac CA180D	81LA-0057 (No2)	410296	601015D	170HP	14,00	14T	1995	1.051.906.709		Chúc Sơn, Hà Nội
1	Máy đầm rung Dynapac	1	CA150D	Ro19	68080399	73220923	80cv	7,00	7,2	2007	699.293.767		Xekaman 1,Lào
	Máy lu rung 2,5 Tấn	1									1.039.710.590	-	
1	Máy đầm rung Dynapac	1	CC1200	Ro28	010677	BW2015	35HP	2,70	2,7	2012	1.039.710.590		Chúc Sơn, Hà Nội
	Máy lu rung Ingersoll-rand	4									6.083.202.396	-	
1	Máy đầm rung Ingersoll-rand	1	SD 175	Ro5	169890	45278891	203HP	17,50	17,5	1996	1.854.854.283		Chúc Sơn, Hà Nội
2	Máy đầm rung Ingersoll-rand	1	SD 175	Ro14	144292	46111687	203HP	17,50	17,5	2002	1.573.752.243		Chúc Sơn, Hà Nội

TT	Tên xe máy	SL	Ký mã hiệu	Số đăng ký	Số khung	Số máy	Công suất (HP, KW)	Th.số KT chính (T)	Tự trọng (tấn)	Năm bắt đầu SD	Giá trị theo sổ sách		Vị trí hiện tại
											Nguyên giá (Đ)	Còn lại tại kỳ KK (Đ)	
3	Máy đầm rung Ingersoll-rand	1	SD 150	Ro9	167711	3915703	150HP	15,00	14,9	2001	1.361.209.068		Chúc Sơn, Hà Nội
4	Máy đầm rung Ingersoll-rand	1	SD 180	Ro4	143929	4527466	230HP	18,00	18,0	1996	1.293.386.802		Chúc Sơn, Hà Nội
	Máy lu rung Volvo SD160DX	2									3.965.330.970	-	
1	Máy lu rung Volvo	1	SD160DX	Ro25	198743	46895204	174HP	34,56	16,0	2008	1.982.665.485	-	Chúc Sơn, Hà Nội
2	Máy đầm rung Volvo	1	SD160DX	Ro24 29SA-0310	197746	46855381	174HP	34,56	16,0	2008	1.982.665.485		Chúc Sơn, Hà Nội
	Máy lu rung 1 bánh YZT 10L	2									815.809.832	0	
1	Máy đầm rung 1 bánh	1	YZT 10L	Ro23			70	10,00		2008	747.874.769		Chúc Sơn, Hà Nội
2	Máy đầm rung	1	Y8DB-1							2013	67.935.063		Chúc Sơn, Hà Nội
V	Máy san GD611A-1	2									2.771.618.748	-	
1	Máy san Komatsu	1	GD611A-1	No8	10668	122125	155KW	12,50	14,4	2002	1.406.462.962	-	Chúc Sơn, Hà Nội
2	Máy san Komatsu	1	GD611A-1	No4	10628	122028	155KW	12,50	14,4	2001	1.365.155.786	-	Chúc Sơn, Hà Nội
VI	Khối cần trục các loại	1									1.236.780.476	-	
1	Cần trục bánh lốp	1	KC4574A	30L-6643	4A000004	30201136	176kw	21,23	21T	2008	1.236.780.476		Chúc Sơn, Hà Nội
B	Xe con, xe ca	4									1.948.893.130	0	
1	Ô tô ca Hyundai	1	D4DA	29S-0480	900196	1127323	155	32CN	4,4	2002	392.019.524		Chúc Sơn, Hà Nội
2	Ô tô ca	1	K51CI	26K-7043			138	51CN	5,2	2009	638.892.606		Chúc Sơn, Hà Nội
3	Ô tô bán tải ISUZU	1	ISUZU TFS77-LS	29Z-5538	77105384	488819		5 chỗ	1,88	2007	511.435.000		Sơn giang, Phú Yên Đắk Lắk
4	Ô tô bán tải Ford	1	Ford XLT	29T-0233	0 1773	376399	117	5 chỗ	2,0	2003	406.546.000		Xekaman 1, Lào
C	Xe máy thiết bị phục vụ	3									4.545.013.517	-	
	Ô tô tặc dầu	1									460.492.500	-	
1	Ô tô tặc dầu Kamaz	1	53215	29S-0483	5,012E+09	189672	240HP	10,45	10,5	2002	460.492.500		Chúc Sơn, Hà Nội
	Ô tô cứu hỏa Kamaz	1									1.029.599.142	-	
1	Ô tô cứu hỏa Kamaz	1	53215	29U-1730	5,032E+09	242045	240HP	7,45	10,3	2004	1.029.599.142		Chúc Sơn, Hà Nội
	Ô tô công trình xa	1									3.054.921.875	-	
1	Ô tô công trình xa	1	RAV22231/MA	29U-3895	127708	0 27112	372			2004	3.054.921.875		Packading, Lào
	Tổng cộng	52									74.861.494.854	-	